

Số: 15/TB-ĐHCNGTVT

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2025

## THÔNG BÁO

### Về việc xét tuyển nghiên cứu sinh năm 2025

**Kính gửi:**.....

Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải thông báo xét tuyển nghiên cứu sinh năm 2025 như sau:

**1. Hình thức đào tạo:** Giáo dục chính quy.

**2. Thời gian đào tạo:** 3 năm kể từ ngày có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

**3. Chỉ tiêu xét tuyển:** Tổng chỉ tiêu đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Công nghệ GTVT dự kiến là 40 nghiên cứu sinh.

**4. Chương trình đào tạo:**

Danh mục các chương trình đào tạo tiến sĩ gồm:

STT	Chương trình	Mã số
1	Quản lý kinh tế	9310110
2	Quản lý xây dựng	9580302
3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	9580205
4	Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt	9580206
5	Kỹ thuật cơ khí động lực	9520116

**5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển**

Đối tượng xét tuyển nghiên cứu sinh là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp (Danh mục ngành phù hợp được quy định tại Phụ lục I);

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các Trường, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố (Danh mục các chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại Phụ lục II).

## **6. Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh gồm:**

- Đơn xin dự tuyển;
- Lý lịch khoa học của người dự tuyển và người hướng dẫn;
- Bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ Ngoại ngữ; (\*)
- Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp và bảng điểm Đại học; (\*)
- Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp và bảng điểm Thạc sĩ; (\*)

*(Nếu ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải nộp bản sao chứng thực Giấy công nhận văn bằng do Trung tâm Công nhận Văn bằng - Cục quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp).*

- Bản sao các bài báo, báo cáo khoa học quy định tại mục 5;

*(Mỗi bài báo hoặc báo cáo khoa học cần được sao chụp trang bìa (tạp chí hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học), trang mục lục và nội dung bài viết. Nếu có số bài báo hoặc báo cáo khoa học nhiều hơn 01 bài thì người dự tuyển cần đóng thành tập và sắp xếp theo trật tự của bản kê khai danh mục ở trang bìa) (mẫu 3).*

- Đề cương nghiên cứu khoảng 3000 từ gồm các nội dung chủ yếu sau:
  - a. Tên đề tài hoặc hướng nghiên cứu của người dự tuyển;
  - b. Họ và tên người hướng dẫn được đề xuất;
  - c. Lý do lựa chọn tên đề tài/hướng nghiên cứu;
  - d. Tổng quan công trình khoa học đã được công bố về đề tài hoặc hướng nghiên cứu được lựa chọn;
  - đ. Mục tiêu nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu;
  - e. Phương pháp nghiên cứu dự kiến thực hiện;
  - g. Dự kiến đóng góp của nghiên cứu.

- Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;

- Giấy đồng ý hướng dẫn NCS của nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định trong đó có ít nhất 01 nhà khoa học là giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Công nghệ GTVT.

- Công văn giới thiệu dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

- 4 ảnh 3x4 (ghi ở mặt sau ảnh: họ tên người dự tuyển; ngày, tháng, năm sinh).

**Lưu ý:** Người dự tuyển download mẫu hồ sơ tại website:

“<https://utt.edu.vn/tuyensinh/saudaihoc> hoặc <https://sdh.utt.edu.vn>. Các mục (\*) ứng viên mang theo bản chính khi nộp hồ sơ để đối chiếu.

#### **7. Đội ngũ giảng viên cơ hữu hướng dẫn NCS:**

Được công bố tại website: <https://sdh.utt.edu.vn/> hoặc <https://utt.edu.vn/>

#### **8. Thời gian nhận hồ sơ và thông báo kết quả xét tuyển:**

- Ứng viên đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ từ tháng 01/2025;
- Thời gian thông báo kết quả xét tuyển: Nhà trường tổ chức xét tuyển, thông báo kết quả đến người dự tuyển 4 đợt trong năm.

#### **9. Lệ phí thụ lý hồ sơ và xét tuyển: 600.000 đ.**

#### **10. Thông tin liên hệ:**

##### **TẠI HÀ NỘI: PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

Phòng 207, Nhà H1 - Trường Đại học Công nghệ GTVT - Số 54 - Phố Triều Khúc - Phường Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - TP. Hà Nội;

- Điện thoại: 0243.2222.865      Di động: 0915 016 668 (Thầy An - Trưởng phòng)  
0968 366 209 (Cô Vân Anh)  
0983 927 925 (Thầy Long)  
0982 517 039 (Thầy Lợi)  
0974 831 828 (Thầy Đảm)

- Email: [phongdtsdh@utt.edu.vn](mailto:phongdtsdh@utt.edu.vn);

- Website <https://utt.edu.vn> hoặc <https://sdh.utt.edu.vn>.

##### **TẠI VINH PHÚC: VĂN PHÒNG MỘT CỬA**

Tầng 1, Nhà H1 - Trường Đại học Công nghệ GTVT - Số 278 Đường Lam Sơn - Phường Đồng Tâm - TP. Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc;

- Điện thoại: 0211.3867.404      Di động: 0963 303 982 (Cô Phượng).

##### **TẠI THÁI NGUYÊN: PHÒNG ĐÀO TẠO**

Phòng Đào tạo - Trường Đại học Công nghệ GTVT - Đường Phú Thái - Phường Tân Thịnh - TP. Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên;

- Điện thoại: 0208.3856.545      Di động: 0912 454 936 (Thầy Tuấn).

##### **Nơi nhận:**

- Bộ GDĐT;
- Bộ GTVT;
- Chủ tịch HĐT;
- Hiệu trưởng;
- UBND các tỉnh, TP;
- Sở GTVT, Sở Xây dựng các tỉnh, TP;
- Các tổng công ty, công ty trực thuộc Bộ GTVT;
- Lưu: VT, SDH.

(để b/c)

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**TS. Nguyễn Văn Lâm**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC NGÀNH PHÙ HỢP**  
**VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

*(Kèm theo Thông báo xét tuyển nghiên cứu sinh số 15 /TB-ĐHCNGTVT*  
*Ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT)*

<b>TT</b>	<b>Ngành đào tạo tiến sĩ</b>	<b>Ngành phù hợp</b>
1.	Quản lý kinh tế	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Kinh tế;</li><li>2. Kinh tế chính trị;</li><li>3. Kinh tế đầu tư;</li><li>4. Kinh tế phát triển;</li><li>5. Thống kê kinh tế;</li><li>6. Quản trị kinh doanh;</li><li>7. Marketing;</li><li>8. Quản trị nhân lực;</li><li>9. Khoa học quản lý;</li><li>10. Tài chính ngân hàng;</li><li>11. Kế toán;</li><li>12. Kinh tế quốc tế;</li><li>13. Kinh doanh quốc tế;</li><li>14. Kinh doanh thương mại;</li><li>15. Khoa học quản lý;</li><li>16. Quản lý xây dựng;</li><li>17. Quản lý công nghiệp;</li><li>18. Quản lý nhà nước;</li><li>19. Kinh tế công nghiệp;</li><li>20. Kinh tế xây dựng;</li><li>21. Khai thác vận tải;</li><li>22. Toán kinh tế;</li><li>23. Quản lý công;</li><li>24. Quan hệ quốc tế;</li><li>25. Quản lý văn hoá;</li><li>26. Quản lý thông tin;</li><li>27. Luật kinh tế;</li><li>28. Quản lý đô thị và công trình;</li><li>29. Kinh tế nông nghiệp;</li><li>30. Quản lý khoa học và công nghệ</li></ol>

2	Quản lý xây dựng	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản lý xây dựng</li> <li>2. Kinh tế xây dựng</li> <li>3. Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</li> <li>4. Kỹ thuật xây dựng</li> <li>5. Kỹ thuật xây dựng công trình thủy</li> <li>6. Kỹ thuật xây dựng công trình biển</li> <li>7. Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm</li> <li>8. Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt</li> <li>9. Kỹ thuật cơ sở hạ tầng</li> <li>10. Địa kỹ thuật xây dựng</li> <li>11. Kỹ thuật tài nguyên nước</li> <li>12. Kỹ thuật cấp thoát nước</li> <li>13. Kiến trúc</li> <li>14. Kiến trúc nội thất</li> <li>15. Quy hoạch vùng và đô thị</li> <li>16. Quản lý đô thị và công trình</li> <li>17. Thiết kế nội thất</li> <li>18. Đô thị học</li> </ol>
3.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</li> <li>2. Kỹ thuật xây dựng</li> <li>3. Kỹ thuật xây dựng công trình thủy</li> <li>4. Kỹ thuật xây dựng công trình biển</li> <li>5. Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm</li> <li>6. Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt</li> <li>7. Kỹ thuật cơ sở hạ tầng</li> <li>8. Địa kỹ thuật xây dựng</li> <li>9. Kỹ thuật tài nguyên nước</li> <li>10. Kỹ thuật cấp thoát nước</li> </ol>
4.	Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt</li> <li>2. Kỹ thuật xây dựng</li> <li>3. Kỹ thuật xây dựng công trình thủy</li> <li>4. Kỹ thuật xây dựng công trình biển</li> <li>5. Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm</li> <li>6. Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</li> <li>7. Kỹ thuật cơ sở hạ tầng</li> <li>8. Địa kỹ thuật xây dựng</li> <li>9. Kỹ thuật tài nguyên nước</li> <li>10. Kỹ thuật cấp thoát nước</li> </ol>

5.	Kỹ thuật cơ khí động lực	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kỹ thuật cơ khí động lực</li> <li>2. Cơ kỹ thuật</li> <li>3. Kỹ thuật cơ khí</li> <li>4. Kỹ thuật cơ điện tử</li> <li>5. Kỹ thuật nhiệt</li> <li>6. Kỹ thuật ô tô</li> <li>7. Kỹ thuật tàu thủy</li> <li>8. Kỹ thuật hàng không</li> <li>9. Kỹ thuật công nghiệp</li> <li>10. Kỹ thuật hệ thống công nghệ</li> </ol>
----	--------------------------	--

*Ghi chú: Trường hợp ngành đào tạo của ứng viên nằm ngoài danh mục trên, hồ sơ dự tuyển được xem xét cụ thể trong quá trình xét duyệt./.*

**Phụ lục II**  
**BẢNG THAM CHIẾU CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH**  
**VÀ CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI TƯƠNG ĐƯƠNG**  
**VỚI TIẾNG ANH ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**  
*(Kèm theo Thông báo xét tuyển nghiên cứu sinh số 15 /TB-ĐHCNGTVT*  
*Ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT)*

<b>STT</b>	<b>Ngôn ngữ</b>	<b>Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận</b>	<b>Trình độ/Thang điểm</b>
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên